

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo quyết định số 459/QĐ-ĐHHV ngày 27 tháng 12 năm 2017
của Hiệu trưởng trường Đại học Hùng Vương)

1. Tên ngành đào tạo: Giáo dục thể chất

Tiếng Anh: Physical Education

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức:

3.1. Kiến thức giáo dục đại cương

a) Trình bày được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; những vấn đề cơ bản trong chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; những đặc trưng cơ bản về kinh tế - chính trị - xã hội của Đất nước hiện nay; nêu và phân tích được các vấn đề thời sự nổi bật; mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế - chính trị - xã hội với Giáo dục và Đào tạo.

b) Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp ở mức độ cơ bản.

c) Vận dụng được những kiến thức Giáo dục Quốc phòng, An ninh, trật tự an toàn xã hội vào giải quyết những vấn đề cơ bản trong cuộc sống.

d) Sử dụng thành thạo một số phần mềm cơ bản có ứng dụng trong việc dạy và học: Word, Excel, Powerpoint, biết cách sử dụng một số phần mềm hỗ trợ dạy học khác.

e) Trình bày được các vấn đề về tâm lý học, giáo dục học, quản lý giáo dục, kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục; Phân tích được các tình huống tâm lý học, giáo dục học;

f) Vận dụng được những kiến thức của các môn thể thao cơ bản vào học tập các môn chuyên ngành và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

3.2. Kiến thức cơ sở ngành

g) Vận dụng được những kiến thức về mặt lý luận và phương pháp TDTT vào thực tiễn học tập cũng như cuộc sống xã hội, những vấn đề cơ bản về tâm, sinh lý, biến đổi về mặt hình thái, chức năng, chấn thương thể thao, cách khắc phục và điều trị ban đầu chấn thương của đối tượng hoạt động TDTT.

h) Vận dụng được các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao vào thực tiễn cuộc sống.

i) Sử dụng thành thạo các kỹ năng đi, chạy, nhảy, phối hợp vận động vào việc học tập các môn thể thao chuyên ngành.

3.3. Kiến thức chuyên ngành

j) Vận dụng được kỹ năng thực hành các môn thể thao vào thực tiễn cuộc sống

k) Vận dụng được kiến thức về phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học các môn thể thao.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng cứng

a) Kỹ năng thiết kế, tổ chức thực hiện

- Xây dựng được các kế hoạch dạy học được theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm

học sinh và môi trường giáo dục; phối hợp hoạt động học với hoạt động dạy theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh.

- Có kỹ năng thực hiện chương trình, tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn học giáo dục thể chất (Thể dục) cho học sinh – sinh viên trong các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Có kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo. Khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên phải đạt 01 đẳng cấp II ở môn thể thao sở trường và 02 đẳng cấp III ở các môn thể thao khác nhau.

- Có kỹ năng quản lý, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao đặc biệt là thể thao học đường.

- Có kỹ năng huấn luyện và nghiên cứu khoa học thể dục thể thao.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin truyền thông, các phần mềm dạy học, phương tiện hỗ trợ dạy học phục vụ công tác dạy học.

- Có kỹ năng thiết kế kịch bản, tổ chức thực hiện các hoạt động thực tế chuyên môn, hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm,...

- Thực hiện nội dung dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ được quy định trong chương trình môn học.

- Vận dụng được các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phát triển năng lực tự học và tư duy của học sinh.

b) Kỹ năng tìm hiểu đối tượng người học và môi trường giáo dục

- Có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của học sinh đối với các hoạt động TDTT, sử dụng các thông tin thu được vào dạy học, giáo dục cho phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

- Có phương pháp thu thập và xử lý thông tin về điều kiện giáo dục trong nhà trường và tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, sử dụng các thông tin thu được vào dạy học, giáo dục.

c) Kỹ năng kiểm tra đánh giá

- Vận dụng được nhiều phương pháp đánh giá khác nhau để thúc đẩy quá trình học tập của người học, sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh quá trình dạy và học;

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh một cách khách quan, công bằng, xây dựng và có tác dụng thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của người học.

d) Kỹ năng giải quyết vấn đề

- Phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới trong giáo dục.

- Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục học sinh vào tình huống sư phạm cụ thể, phù hợp đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra.

e) Ngoại ngữ: Trình độ tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

f) Tin học: Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

4.2. Kỹ năng mềm

a) Sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp

- Có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ chuyên môn về lĩnh vực TDDT trong giảng dạy, giao tiếp để truyền tải kiến thức và ý tưởng cho người học.

- Có kỹ năng kết hợp tốt các phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để thu hút người học;

- Có kỹ năng giao tiếp tốt với đồng nghiệp, học sinh và các đối tượng liên quan khác trong các vấn đề liên quan đến học tập, dạy học và giáo dục.

b) Làm việc nhóm, tham gia hoạt động phong trào

- Có khả năng làm việc nhóm, thành lập và quản lý nhóm.

- Có kỹ năng tổ chức, tham gia các hoạt động phong trào trong trường học và trong các tổ chức chính trị - xã hội khác như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiền phong, ...

- Có khả năng tổ chức, quản lý các câu lạc bộ TDDT trong và ngoài đơn vị.

c) Các kỹ năng cá nhân

Có khả năng tư duy độc lập, kiểm soát được hành vi cá nhân theo hướng tích cực.

Có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của cuộc sống và điều kiện công tác.

Có khả năng thuyết trình trước đám đông về một hay nhiều vấn đề đặc biệt là những vấn đề liên quan tới TDDT.

e) Làm việc theo nhóm

Có kỹ năng làm việc hợp tác, chia sẻ, hướng dẫn, tư vấn cho đồng nghiệp và người học.

f) Quản lý và lãnh đạo

Kỹ năng xử lý, nắm bắt tình hình và quản lý công việc, đàm phán, tổ chức công việc hiệu quả.

g) Kỹ năng giao tiếp

Có khả năng diễn đạt rõ ràng ý kiến của mình, có khả năng tranh luận khi có các quan điểm khác nhau

5. Yêu cầu về thái độ

a) Phẩm chất chính trị

Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Tham gia các hoạt động chính trị - xã hội; Thực hiện nghĩa vụ công dân.

b) Đạo đức nghề nghiệp

Yêu nghề, gắn bó với nghề dạy học; Chấp hành Luật Giáo dục, điều lệ, quy chế, quy định của ngành; Có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm; Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; sống trung thực, lành mạnh, là tấm gương tốt cho học sinh.

c) Ứng xử với học sinh

Thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh, giúp học sinh khắc phục khó khăn để học tập và rèn luyện tốt.

d) Ứng xử với đồng nghiệp

Đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp; Có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục.

e) Lối sống, tác phong

Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và môi trường giáo dục;
Có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành giáo dục thể chất có thể:

- a) Giảng dạy giáo dục thể chất (Thể dục) tại các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- b) Là cán bộ chuyên môn trong cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan quản lý xã hội về TDTT
- c) Tổ chức hướng dẫn hoạt động thể dục thể thao cho mọi người tại các đơn vị TDTT cơ sở, các câu lạc bộ TDTT.
- d, Kinh doanh trong lĩnh vực thể dục thể thao.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- a) Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) thuộc đúng chuyên ngành.
- b) Học tập chuyển đổi để có thể trở thành huấn luyện viên, bác sỹ thể thao...

8. Các chương trình, tài liệu mà nhà trường tham khảo

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông.

Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

Chương trình đào tạo cử nhân giáo dục thể chất trường Đại học sư phạm Hà Nội I

Chương trình đào tạo cử nhân giáo dục thể chất trường Đại học sư phạm Hà Nội II

Chương trình đào tạo cử nhân giáo dục thể chất trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Chương trình đào tạo cử nhân giáo dục thể chất trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất Học viện TDTT Bắc Kinh, Trung Quốc.

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất Học viện TDTT Vũ Hán, Trung Quốc.

9. Quan hệ giữa các mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra

Mục tiêu đào tạo có mối quan hệ mật thiết với chuẩn đầu ra của ngành đào tạo, được thể hiện qua *Ma trận mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra* (Phụ lục 1).

10. Quan hệ giữa nội dung các học phần với chuẩn đầu ra và cơ hội việc làm

Giữa các nội dung học phần có mối quan hệ mật thiết với chuẩn đầu ra của ngành đào tạo, được thể hiện qua *Ma trận mối liên hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra* (Phụ lục 2).